

BỘ XÂY DỰNG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 18/2016/TT-BXD

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2016

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ	
CÔNG VĂN ĐẾN	
Giờ: ... 9 ...	Ngày: ... 19/7 ...
Kính chuyển: ...	

THÔNG TƯ

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... 9 ...
	Ngày: ... 20/7 ...

Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý hoạt động xây dựng,

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Thông tư này quy định chi tiết về thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và thiết kế, dự toán xây dựng công trình theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định 59/2015/NĐ-CP).

b) Việc thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, đề xuất chủ trương đầu tư và quyết định chủ trương đầu tư được thực hiện theo pháp luật về đầu tư và pháp luật về đầu tư công.

2. Đối tượng áp dụng: cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; người quyết định đầu tư, chủ đầu tư và tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Người đề nghị thẩm định là chủ đầu tư hoặc người được chủ đầu tư ủy quyền bằng văn bản hoặc cơ quan, tổ chức được người quyết định đầu tư giao trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư.

2. Cơ quan thẩm định là cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp hoặc cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư được quy định tại Điều 10, Điều 24, Điều 25 và Điều 26 Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

Điều 3. Nguyên tắc thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế và dự toán xây dựng công trình

1. Trình, thẩm định dự án, thiết kế và dự toán xây dựng công trình đúng thẩm quyền, bảo đảm quy trình và thời hạn thẩm định theo quy định.

2. Thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng được thực hiện với toàn bộ công trình hoặc từng công trình của dự án hoặc theo giai đoạn, gói thầu của dự án nhưng phải bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ về nội dung, cơ sở tính toán trong các kết quả thẩm định.

3. Công khai, minh bạch về trình tự, thủ tục, hồ sơ, kết quả thẩm định và tuân thủ các quy định về cải cách thủ tục hành chính trong quá trình thẩm định.

4. Phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình đúng thẩm quyền hoặc theo ủy quyền sau khi có Thông báo kết quả thẩm định và hồ sơ trình phê duyệt đã được bổ sung, hoàn thiện theo yêu cầu của cơ quan thẩm định.

5. Đối với dự án có số bước thiết kế nhiều hơn so với quy định, cơ quan chuyên môn về xây dựng chỉ thẩm định hồ sơ thiết kế tại bước thiết kế theo quy định của pháp luật, các bước thiết kế còn lại do người quyết định đầu tư quyết định việc tổ chức thẩm định, phê duyệt. Trường hợp tên gọi và nội dung của các bước thiết kế của dự án thực hiện theo thông lệ quốc tế khác với bước thiết kế theo quy định, cơ quan chuyên môn về xây dựng chỉ thẩm định hồ sơ thiết kế có nội dung tương ứng với bước thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công.

Điều 4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình

1. Trách nhiệm của người quyết định đầu tư:

a) Yêu cầu chủ đầu tư thực hiện đúng quy trình thẩm định phù hợp với quy mô, nguồn vốn sử dụng của dự án, loại và cấp công trình xây dựng. Đối với dự án sử dụng vốn hỗn hợp, người quyết định đầu tư xác định loại nguồn vốn sử dụng để làm cơ sở thực hiện trình, thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

b) Phân công, kiểm tra việc thực hiện công tác thẩm định của cơ quan chuyên môn trực thuộc;

c) Phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

a) Trình thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình theo quy định của Thông tư này; tổ chức thẩm định làm cơ sở xem xét, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình đối với trường hợp thiết kế ba bước;

b) Kiểm tra, soát xét và chịu trách nhiệm trước cơ quan thẩm định và pháp luật về tính pháp lý, nội dung của hồ sơ trình thẩm định; giải trình, hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định theo yêu cầu của cơ quan thẩm định;

c) Lựa chọn trực tiếp tư vấn có đủ điều kiện năng lực để thực hiện công tác thẩm tra phục vụ thẩm định và chịu trách nhiệm kiểm tra nội dung công tác thẩm tra của tư vấn đáp ứng yêu cầu thẩm tra;

d) Lưu trữ hồ sơ theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

3. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức thẩm định:

a) Tổ chức thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình theo quy định của pháp luật;

b) Tuân thủ quy định về quyền, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức thẩm định theo quy định tại Điều 71 và Điều 87 của Luật Xây dựng;

c) Báo cáo, giải trình về công tác thẩm định theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi cần thiết;

d) Lưu trữ hồ sơ, tài liệu cần thiết có liên quan đến công tác thẩm định theo quy định tại Khoản 4 Điều 9 của Thông tư này.

4. Trách nhiệm của tổ chức tư vấn xây dựng:

a) Tuân thủ các quyền và nghĩa vụ của tư vấn xây dựng được quy định tại Điều 70 và Điều 86 của Luật Xây dựng khi lập, thẩm tra dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

b) Cung cấp đầy đủ hồ sơ và giải trình, chỉnh sửa nội dung hồ sơ trình thẩm định theo yêu cầu của chủ đầu tư và cơ quan thẩm định.

Chương II

THẨM ĐỊNH DỰ ÁN VÀ THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 5. Trình tự thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình

Trình tự thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình theo quy định tại Điều 11 và Điều 30 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP được hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Người đề nghị thẩm định có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ trước khi trình thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

2. Trình thẩm định dự án:

a) Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước: Hồ sơ trình thẩm định được gửi đến cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp để thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

b) Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách: Hồ sơ trình thẩm định được gửi đến cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp để thẩm định thiết kế cơ sở (hoặc thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) và đến cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư để thẩm định các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế công nghệ (nếu có);

c) Đối với dự án sử dụng vốn khác: Hồ sơ trình thẩm định được gửi đến cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp để thẩm định thiết kế cơ sở (hoặc thiết kế bản vẽ thi công đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) đối với dự án đầu tư xây dựng có công trình cấp đặc biệt, cấp I, công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn cộng đồng. Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư thẩm định các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế công nghệ (nếu có);

d) Đối với các dự án còn lại không thuộc đối tượng thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư thẩm định toàn bộ các nội dung của Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

3. Trình thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán xây dựng công trình:

a) Đối với công trình thuộc dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước: Hồ sơ trình thẩm định được gửi đến cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp để thẩm định;

b) Đối với công trình thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách: Hồ sơ trình thẩm định được gửi đến cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp để thẩm định. Riêng đối với phần thiết kế công nghệ, thiết kế của công trình cấp IV, công trình xây dựng lưới điện trung áp, hồ sơ trình thẩm định được gửi đến cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư để thẩm định;

c) Đối với công trình của dự án sử dụng vốn khác thuộc đối tượng do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 của Nghị định 59/2015/NĐ-CP: Hồ sơ trình thẩm định được gửi đến cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp để thẩm định thiết kế xây dựng và đến cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư để thẩm định thiết kế công nghệ (nếu có) và dự toán xây dựng;

d) Đối với công trình không thuộc đối tượng thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư thẩm định toàn bộ các nội dung của thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán xây dựng công trình.

4. Cơ quan thẩm định tổ chức thực hiện thẩm định theo trình tự, nội dung quy định từ Điều 5 đến Điều 9 của Thông tư này.

Điều 6. Hồ sơ trình thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình

1. Người đề nghị thẩm định trình một (01) bộ hồ sơ (hồ sơ gốc) đến cơ quan thẩm định theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này để tổ chức thẩm định. Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan thẩm định yêu cầu người trình thẩm định bổ sung hồ sơ đối với những nội dung lấy ý kiến.

2. Hồ sơ trình thẩm định phải bảo đảm tính pháp lý, phù hợp với nội dung đề nghị thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được xem là hợp lệ khi bảo đảm các nội dung quy định tại Khoản 3, 4, 5 của Điều này, đúng quy cách, được trình bày bằng tiếng Việt hoặc song ngữ (ngôn ngữ chính là tiếng Việt) và được người đề nghị thẩm định kiểm tra, đóng dấu xác nhận.

3. Hồ sơ trình thẩm định dự án, thiết kế cơ sở gồm: Tờ trình thẩm định và danh mục hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục II của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

4. Hồ sơ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng gồm: Tờ trình thẩm định và danh mục hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

5. Hồ sơ trình thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình gồm: Tờ trình thẩm định và danh mục hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục II của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

Điều 7. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ trình thẩm định

1. Cơ quan thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện. Hồ sơ trình thẩm định được trả lại cho người đề nghị thẩm định khi bị từ chối tiếp nhận trong các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này.

2. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, cơ quan thẩm định có trách nhiệm xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến người đề nghị thẩm định (nếu cần, việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một (01) lần trong quá trình thẩm định) hoặc trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều này. Trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan thẩm định, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì cơ quan thẩm định dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

3. Người đề nghị thẩm định có trách nhiệm nộp phí thẩm định cho cơ quan thẩm định. Mức phí thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình theo quy định của Bộ Tài chính.

4. Cơ quan thẩm định từ chối tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định trong các trường hợp:

- a) Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan thẩm định;
- b) Dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình không thuộc đối tượng phải thẩm định theo quy định của pháp luật về xây dựng;
- c) Hồ sơ trình thẩm định không đảm bảo về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Thông tư này;
- d) Đối với hồ sơ nhận qua đường bưu điện thuộc các trường hợp quy định tại Điểm a, b và c của Khoản này, cơ quan thẩm định phải có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do từ chối thực hiện thẩm định.

Điều 8. Thực hiện thẩm định

1. Việc thẩm định được thực hiện khi cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này và kết thúc khi có văn bản Thông báo kết quả thẩm định. Thời hạn thẩm định theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 và Khoản 8 Điều 30 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

2. Nội dung thẩm định theo quy định tại Điều 58, Điều 83 của Luật Xây dựng và Điều 6, Điều 10 của Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

3. Trong thời gian năm (05) ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu thực hiện thẩm định, cơ quan thẩm định có trách nhiệm gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Thời hạn tham gia ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 và Khoản 3 Điều 30 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

4. Trong quá trình thẩm định, cơ quan thẩm định có quyền:

a) Yêu cầu cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp các thông tin tài liệu, số liệu cần thiết để phục vụ công tác thẩm định;

b) Mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm phù hợp tham gia thực hiện thẩm định;

c) Yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp tổ chức tư vấn thẩm tra phục vụ công tác thẩm định hoặc xem xét sử dụng kết quả thẩm tra của chủ đầu tư (trường hợp chủ đầu tư đã thực hiện thẩm tra theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 của Thông tư này);

d) Yêu cầu chủ đầu tư giải trình, làm rõ các nội dung liên quan đến thẩm định khi cần thiết;

đ) Tạm dừng thẩm định và thông báo kịp thời đến người đề nghị thẩm định các lỗi, sai sót về phương pháp tính toán, tải trọng, mô tả bản vẽ, sơ đồ... trong nội dung hồ sơ dẫn đến không thể đưa ra kết luận thẩm định. Trường hợp các lỗi, sai sót nêu trên không thể khắc phục được trong thời hạn hai mươi (20) ngày thì cơ quan thẩm định dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

Điều 9. Kết quả thẩm định và thông báo kết quả thẩm định

1. Kết quả thẩm định phải có đánh giá, kết luận về mức đáp ứng yêu cầu đối với từng nội dung thẩm định và toàn bộ nội dung trình thẩm định theo mẫu quy định tại Phụ lục II Nghị định 59/2015/NĐ-CP; các kiến nghị đối với người quyết định đầu tư, chủ đầu tư. Nội dung xem xét, đánh giá của cơ quan thẩm định được hướng dẫn cụ thể như sau:

a) Đối với thẩm định dự án, thiết kế cơ sở: Đánh giá về sự phù hợp, mức độ đáp ứng đối với chủ trương đầu tư, yêu cầu, nội dung lập dự án, lập thiết kế cơ sở, các tiêu chí phản ánh sự cần thiết phải đầu tư xây dựng, tính khả thi và mức độ hiệu quả của dự án;

b) Đối với thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình: Đánh giá về sự phù hợp, mức độ đáp ứng đối với các yêu cầu, nhiệm vụ, nội dung của thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

c) Xem xét, cập nhật kết quả thẩm tra phục vụ thẩm định, ý kiến thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường và các ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan (nếu có).

2. Cơ quan thẩm định có trách nhiệm thông báo kết quả thẩm định đến người đề nghị thẩm định theo hình thức gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

3. Hồ sơ trình thẩm định sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện được cơ quan thẩm định kiểm tra, đóng dấu thẩm định trên một (01) bộ hồ sơ dự án, bản vẽ thiết kế cơ sở, bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình. Mẫu dấu thẩm định theo quy định tại Phụ lục I của Thông tư này. Người đề nghị thẩm định có trách nhiệm nộp bản chụp (photocopy hoặc file PDF) tài liệu báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở, thiết kế và dự toán xây dựng công trình đã đóng dấu thẩm định cho cơ quan thẩm định.

4. Khi kết thúc công tác thẩm định, cơ quan thẩm định có trách nhiệm:

a) Lưu trữ, bảo quản một số tài liệu gồm: Tờ trình thẩm định; các kết luận của tổ chức, cá nhân tham gia thẩm định; văn bản góp ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan; Thông báo kết quả thẩm định; các bản chụp tài liệu đã đóng dấu thẩm định theo quy định tại Khoản 3 Điều này;

b) Chuyển trả cho người đề nghị thẩm định các tài liệu trình thẩm định trừ các tài liệu lưu trữ quy định tại Điểm a Khoản này.

Điều 10. Thẩm tra phục vụ công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình

Thẩm tra phục vụ công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình theo quy định tại Điều 11 và Điều 30 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP được hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Căn cứ yêu cầu thẩm tra của cơ quan thẩm định, chủ đầu tư có trách nhiệm lựa chọn trực tiếp tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực để thực hiện thẩm tra phục vụ công tác thẩm định.

2. Trường hợp Chủ đầu tư thực hiện việc thẩm tra trước khi trình thẩm định, cơ quan chuyên môn về xây dựng xem xét việc sử dụng kết quả thẩm tra để phục vụ công tác thẩm định.

3. Tổ chức tư vấn được lựa chọn thực hiện thẩm tra phục vụ công tác thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật;

b) Đã được đăng tải thông tin năng lực hoạt động xây dựng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng theo quy định tại Điều 69 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP. Trường hợp tổ chức tư vấn thẩm tra chưa đăng ký thông tin năng lực hoạt động xây dựng thì phải được cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng chấp thuận bằng văn bản;

c) Độc lập về pháp lý, tài chính với chủ đầu tư và với các nhà thầu tư vấn lập dự án, thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

4. Quy trình lựa chọn trực tiếp tư vấn thẩm tra phục vụ công tác thẩm định theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng được quy định cụ thể như sau:

a) Cơ quan thẩm định có đề xuất về yêu cầu, phạm vi công việc thẩm tra phục vụ công tác thẩm định gồm một số nội dung chủ yếu sau:

- Các nội dung quy định tại các Điểm c, d, đ Khoản 2 và Khoản 3 Điều 58 của Luật Xây dựng đối với thẩm định dự án, thiết kế cơ sở;

- Các nội dung quy định tại các Khoản 4 Điều 58 của Luật Xây dựng đối với thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

- Các nội dung quy định tại Khoản 1, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 83 của Luật Xây dựng đối với thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.

b) Căn cứ yêu cầu thẩm tra của cơ quan thẩm định, chủ đầu tư gửi đề nghị thẩm tra kèm theo yêu cầu, nội dung thẩm tra và dự thảo hợp đồng (gồm các nội dung như: phạm vi công việc, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được, giá trị hợp đồng, trách nhiệm giải trình...) đến tổ chức tư vấn được dự kiến lựa chọn thực hiện thẩm tra;

c) Trên cơ sở đề nghị thẩm tra của chủ đầu tư, tổ chức tư vấn gửi đề xuất thực hiện công tác thẩm tra để chủ đầu tư xem xét, đàm phán, ký kết hợp đồng.

5. Thời gian thực hiện thẩm tra dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình theo quy định tại Khoản 5 Điều 11 và Khoản 4 Điều 30 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện thẩm tra thì chủ đầu tư phải có văn bản thông báo đến cơ quan thẩm định để giải trình lý do và đề xuất gia hạn thời gian thực hiện.

6. Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá đối với Báo cáo kết quả thẩm tra do tư vấn thực hiện trước khi gửi đến cơ quan thẩm định. Mẫu Báo cáo kết quả thẩm tra phục vụ thẩm định thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục I của Thông tư này.

Điều 11. Phân cấp, ủy quyền thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có thể đề xuất với người có thẩm quyền để quyết định phân cấp cho Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình từ cấp II trở xuống sử dụng vốn nhà nước do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước quyết định đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh.

2. Căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương, UBND cấp tỉnh quyết định việc thực hiện phân cấp hoặc ủy quyền thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng đối với các dự án, công trình thuộc thẩm quyền thẩm định của các Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành cho phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.

3. Việc phân cấp theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 của Điều này và các trường hợp ủy quyền, phân cấp thẩm định khác (nếu có) phải bảo đảm các nguyên tắc, điều kiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 34 của Luật Tổ chức Chính phủ và Điều 13, Điều 14 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Điều 12. Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

Trình tự thẩm định dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này. Riêng thẩm quyền thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 13 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP được hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Điều 76 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP chủ trì thẩm định:

a) Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội quyết định đầu tư, trừ những dự án được phân cấp cho Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 của Thông tư này;

b) Thiết kế bản vẽ thi công (trừ phần thiết kế công nghệ), dự toán xây dựng công trình sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước quyết định đầu tư, trừ những dự án được phân cấp cho Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 của Thông tư này;

c) Thiết kế bản vẽ thi công (trừ phần thiết kế công nghệ) công trình cấp đặc biệt, cấp I sử dụng vốn khác.

2. Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định:

a) Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh do cấp tỉnh quyết định đầu tư, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật có công trình từ cấp II trở xuống do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội quyết định đầu tư theo quy định về phân cấp tại Khoản 1 Điều 11 của Thông tư này, trừ các dự án quy định tại Khoản 3 Điều này;

b) Thiết kế bản vẽ thi công (trừ phần thiết kế công nghệ), dự toán xây dựng công trình cấp II, cấp III sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh do cấp tỉnh quyết định đầu tư, do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước quyết định đầu tư theo quy định về phân cấp tại Khoản 1 Điều 11 của Thông tư này, trừ các công trình quy định tại Khoản 3 Điều này;

c) Thiết kế bản vẽ thi công (trừ phần thiết kế công nghệ) công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng sử dụng vốn khác được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh, trừ công trình quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện, các Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế thăm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách theo quy định về phân cấp tại Khoản 2 Điều 11 của Thông tư này.

Điều 13. Các quy định khác về thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình

1. Đối với dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình theo tuyến đi qua hai tỉnh trở lên thuộc đối tượng do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thì cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định.

2. Đối với dự án gồm nhiều công trình có loại, cấp công trình khác nhau, cơ quan chủ trì thẩm định là cơ quan có trách nhiệm thẩm định công trình chính hoặc công trình có cấp cao nhất của dự án.

3. Đối với dự án thực hiện theo hình thức hợp đồng đối tác công tư (PPP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 của Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/02/2015 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư là đơn vị chủ trì tổ chức thẩm định dự án. Việc thẩm định thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình được thực hiện như đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 và Khoản 1 Điều 25 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

4. Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư chủ trì thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng của dự án có nội dung chủ yếu là mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng có cấu phần xây dựng gồm các hạng mục công trình, công việc không quyết định đến mục tiêu đầu tư, an toàn trong vận hành,

sử dụng và có tỷ trọng chi phí phần xây dựng nhỏ hơn 15% tổng mức đầu tư dự án; chủ trì thẩm định đối với báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp công trình sử dụng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư.

5. Dự án sử dụng vốn hỗn hợp có phần tham gia bằng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách từ 30% trở lên hoặc dưới 30% nhưng trên 500 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư thì dự án được thẩm định như đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách.

Chương III

PHÊ DUYỆT, ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN VÀ THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 14. Phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng

Việc phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP được hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Cơ quan chủ trì thẩm định dự án trực thuộc người quyết định đầu tư có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt. Các trường hợp còn lại, người quyết định đầu tư xem xét, giao cơ quan chuyên môn trực thuộc tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt.

2. Người quyết định đầu tư phê duyệt dự án gồm các nội dung chủ yếu được quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan. Việc phê duyệt dự án phải bao gồm các nội dung cụ thể về nguồn vốn, dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án, số bước thiết kế, tiêu chuẩn, quy chuẩn được áp dụng và thời gian thi công xây dựng công trình.

3. Mẫu quyết định đầu tư xây dựng quy định tại Phụ lục I của Thông tư này.

Điều 15. Phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình

1. Người quyết định đầu tư, chủ đầu tư phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình với các nội dung quy định tại Điều 28 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP. Người quyết định đầu tư được phân cấp hoặc ủy quyền phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình theo quy định tại Khoản 1 Điều 72 của Luật Xây dựng.

2. Người quyết định đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng.

3. Mẫu tờ trình phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình theo quy định tại Phụ lục I của Thông tư này.

Điều 16. Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng

1. Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách, vốn nhà nước ngoài ngân sách được điều chỉnh trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 61 của Luật Xây dựng. Người quyết định đầu tư quyết định đối với các nội dung điều chỉnh liên quan đến mục tiêu, quy mô đầu tư, địa điểm, tiến độ thực hiện dự án, tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn sử dụng.

2. Dự án, thiết kế cơ sở điều chỉnh thuộc thẩm quyền phê duyệt của người quyết định đầu tư phải được tổ chức thẩm định theo trình tự quy định tại Khoản 3 của Điều này.

3. Trình tự thẩm định dự án, thiết kế cơ sở điều chỉnh được hướng dẫn cụ thể như sau:

a) Chủ đầu tư có văn bản đề nghị người quyết định đầu tư xem xét, chấp thuận chủ trương điều chỉnh dự án, trong đó cần làm rõ lý do, nội dung, phạm vi điều chỉnh và đề xuất giải pháp thực hiện;

b) Căn cứ văn bản chấp thuận của người quyết định đầu tư về chủ trương điều chỉnh dự án, chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức lập hồ sơ dự án, thiết kế cơ sở điều chỉnh, trình cơ quan chủ trì thẩm định theo phân cấp để thẩm định;

c) Việc tổng hợp kết quả thẩm định, trình phê duyệt dự án điều chỉnh quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Thông tư này.

4. Việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng điều chỉnh của người quyết định đầu tư gồm các nội dung được điều chỉnh hoặc toàn bộ nội dung của dự án sau khi điều chỉnh.

5. Cơ quan chủ trì thẩm định dự án, thiết kế cơ sở điều chỉnh là cơ quan đã chủ trì thẩm định đối với dự án, thiết kế cơ sở được duyệt.

Điều 17. Điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình

1. Các trường hợp điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Xây dựng và Điều 11 của Nghị định số 32/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

2. Người quyết định đầu tư quyết định việc điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình khi việc điều chỉnh này dẫn đến phải điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng. Các trường hợp điều chỉnh khác do chủ đầu tư tự quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định điều chỉnh của mình. Chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo người quyết định đầu tư về nội dung điều chỉnh thiết kế xây dựng do mình quyết định thực hiện.

3. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh trong các trường hợp:

a) Điều chỉnh thiết kế xây dựng do có thay đổi về địa chất công trình, tải trọng thiết kế, giải pháp kết cấu, vật liệu sử dụng cho kết cấu chịu lực (trừ trường hợp làm tăng tính an toàn cho công trình) và biện pháp tổ chức thi công có ảnh hưởng đến an toàn chịu lực của công trình;

b) Điều chỉnh dự toán xây dựng công trình do việc điều chỉnh dẫn đến làm vượt tổng mức đầu tư hoặc vượt dự toán xây dựng công trình đã được người quyết định đầu tư phê duyệt.

4. Đối với thiết kế, dự toán xây dựng công trình điều chỉnh thuộc thẩm quyền quyết định của chủ đầu tư theo quy định tại Khoản 2 Điều này và không thuộc trường hợp phải thẩm định theo quy định tại Khoản 3 Điều này, trong trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định làm cơ sở để xem xét, phê duyệt.

5. Việc phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình điều chỉnh của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư gồm những nội dung được điều chỉnh hoặc toàn bộ nội dung của thiết kế, dự toán xây dựng công trình sau khi điều chỉnh. Người quyết định đầu tư, chủ đầu tư phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh do mình quyết định điều chỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng

Trong công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình, Bộ Xây dựng có trách nhiệm:

1. Chủ trì, hướng dẫn thực hiện công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình của các Bộ ngành, địa phương và doanh nghiệp.

2. Phân công, phân cấp cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc chuyên ngành trong việc tổ chức thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

3. Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện công tác thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng các cấp. Quyết định thu hồi, hủy kết quả thẩm định hoặc yêu cầu tổ chức thẩm định lại khi phát hiện có sai sót trong công tác thẩm định ảnh hưởng đến tính pháp lý, chất lượng, an toàn, chi phí và tiến độ xây dựng công trình; tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kết quả thẩm định.

4. Chủ trì phối hợp với các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành xử lý các vướng mắc, tồn tại trong công tác thẩm định của các Bộ ngành, địa phương, doanh nghiệp, chủ đầu tư.

5. Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác thẩm định cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

6. Ban hành và hướng dẫn áp dụng các tiêu chí đánh giá trong công tác thẩm định; định mức chi phí tư vấn thẩm tra dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

Điều 19. Trách nhiệm của các Bộ ngành có liên quan

Trong công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình, các Bộ ngành có trách nhiệm:

1. Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra công tác thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc chuyên ngành do mình quản lý; phân công, phân cấp cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc chuyên ngành trong việc tổ chức thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; quyết định thu hồi, hủy kết quả thẩm định hoặc yêu cầu tổ chức thẩm định lại khi phát hiện có sai sót trong công tác thẩm định ảnh hưởng đến tính pháp lý, chất lượng, an toàn, chi phí và tiến độ xây dựng công trình.

b) Phối hợp với các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành khác, UBND cấp tỉnh trong việc tổ chức thẩm định đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án đầu tư xây dựng công trình theo tuyến đi qua nhiều địa bàn;

c) Tổng hợp, báo cáo định kỳ theo Quý về công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình thuộc chuyên ngành và gửi về Bộ Xây dựng để tổng hợp, theo dõi trong 15 ngày đầu tiên của Quý tiếp theo. Mẫu báo cáo về công tác thẩm định được quy định tại Phụ lục II của Thông tư này.

2. Bộ ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội:

a) Thực hiện các quyền, trách nhiệm của người quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật đối với các dự án do mình quyết định đầu tư;

b) Phân công cơ quan chuyên môn trực thuộc để tham gia, phối hợp thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về xây dựng;

c) Kiểm tra công tác thẩm định của cơ quan chuyên môn trực thuộc, phối hợp xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện thẩm định.

Điều 20. Trách nhiệm của UBND cấp tỉnh, cấp huyện

Trong công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình, UBND cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm:

1. Quyết định việc phân công, phân cấp, ủy quyền thực hiện công tác thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng và điều kiện cụ thể của địa phương.

2. Chỉ đạo và kiểm tra công tác thẩm định của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện, quyết định thu hồi, hủy kết quả thẩm định hoặc yêu cầu tổ chức thẩm định lại khi phát hiện có sai sót trong công tác thẩm định ảnh hưởng đến tính pháp lý, chất lượng, an toàn, chi phí và tiến độ xây dựng công trình.

3. Xử lý, giải quyết kịp thời các vướng mắc về quy trình, thủ tục và phối hợp thực hiện công tác thẩm định trên địa bàn quản lý.

4. Tổng hợp, báo cáo định kỳ theo Quý về công tác thẩm định dự án, thiết kế, dự toán xây dựng công trình thuộc chuyên ngành và gửi về Bộ Xây dựng để tổng hợp, theo dõi trong 15 ngày đầu tiên của Quý tiếp theo. Mẫu báo cáo về công tác thẩm định được quy định tại Phụ lục II của Thông tư này.

Điều 21. Xử lý chuyên tiếp và hiệu lực thi hành

1. Đối với việc thẩm định dự án và thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình:

a) Dự án đầu tư xây dựng và thiết kế, dự toán xây dựng công trình đã trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định trước ngày Thông tư này có hiệu lực không phải trình thẩm định lại và được thực hiện thẩm định theo quy định hiện hành trước thời điểm có hiệu lực của Thông tư;

b) Việc điều chỉnh dự án, thiết kế và dự toán xây dựng công trình sau ngày Thông tư này có hiệu lực được thực hiện theo quy định của Thông tư này.

2. Hiệu lực thi hành:

a) Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

b) Những quy định về thẩm tra, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế, dự toán xây dựng công trình được quy định tại Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng; Thông tư số 13/2013/TT-BXD ngày 15/8/2013 của Bộ Xây dựng quy định thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình và Thông tư số 09/2014/TT-BXD ngày 10/7/2014 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số Điều tại các Thông tư hướng dẫn Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này nếu có vướng mắc, đề nghị tổ chức, cá nhân góp ý kiến gửi về Bộ Xây dựng để xem xét, tiếp thu chỉnh sửa cho phù hợp./

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước;
- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo; Website Chính phủ; Website Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục HXD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Quang Hùng

Phụ lục I

MẪU CÁC VĂN BẢN TRONG QUY TRÌNH THỰC HIỆN THẨM ĐỊNH

DỰ ÁN, THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18 /2016/TT-BXD

ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

Mẫu số 01	Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư.
Mẫu số 02	Báo cáo kết quả thẩm tra dự án.
Mẫu số 03	Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình.
Mẫu số 04	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.
Mẫu số 05	Quyết định phê duyệt thiết kế và dự toán xây dựng công trình.
Mẫu số 06	Mẫu dấu thẩm định, thẩm tra thiết kế

Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư
(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD
ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng..... năm

V/v

BÁO CÁO TỔNG HỢP

Về hồ sơ trình thẩm định

Kính gửi: (Tên cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình (nếu có) do (đơn vị lập);

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

(Tên chủ đầu tư) trình Báo cáo tổng hợp thiết kế và dự toán xây dựng công trình (nếu có) với các nội dung sau:

1. Sự phù hợp về thành phần, quy cách của hồ sơ thiết kế so với quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật (hồ sơ thiết kế bao gồm: thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng và các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật có liên quan);

2. Thống kê các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng trong hồ sơ thiết kế xây dựng công trình;

3. Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình (nếu có) (ngành nghề được phép thực hiện lập khảo sát, thiết kế xây dựng công trình theo giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc các chứng nhận được cơ quan có thẩm quyền cấp);

4. Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình (mô tả chi tiết về năng lực của các chủ nhiệm, chủ trì);

a. Các chủ nhiệm khảo sát xây dựng:

- Chủ nhiệm khảo sát xây dựng: ...(loại hình khảo sát được cấp theo chứng chỉ hành nghề)..... có đủ năng lực khảo sát xây dựng công trình và theo Chứng chỉ số ngày đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

b. Các chủ nhiệm, chủ trì thiết kế xây dựng công trình:

- Chủ nhiệm thiết kế: có đủ năng lực chủ nhiệm thiết kế công trình và theo Chứng chỉ số ngày đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

- Chủ trì thiết kế...(theo chuyên môn thiết kế được cấp theo chứng chỉ hành nghề): có đủ năng lực chủ nhiệm thiết kế công trình và theo Chứng chỉ số ngày đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Báo cáo kết quả thẩm tra dự án

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 18 /2016/TT-BXD
ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)*

ĐƠN VỊ THẨM TRA **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v báo cáo kết quả thẩm tra , ngày.....tháng.....năm
dự án

Kính gửi: (Chủ đầu tư)

(Tổ chức thẩm tra) đã nhận Văn bản số ... ngày ... của đề nghị thẩm tra dự án(Tên dự án đầu tư xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Hợp đồng tư vấn số.....ngày.....tháng.....năm được ký kết giữa(Tổ chức thẩm tra) và(Chủ đầu tư);

Các căn cứ khác có liên quan.....;

Sau khi xem xét hồ sơ dự án, (Tổ chức thẩm tra) thông báo kết quả thẩm tra dự án(Tên dự án) như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án, loại, cấp, quy mô công trình:
3. Người quyết định đầu tư:
4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị tổng mức đầu tư; nguồn vốn đầu tư:
7. Thời gian thực hiện:
8. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
9. Các thông tin khác (nếu có):

II. THÀNH PHẦN HỒ SƠ DỰ ÁN

1. Văn bản pháp lý (Liệt kê các văn bản pháp lý trong hồ sơ trình);
2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế;
3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu;

III. NỘI DUNG HỒ SƠ DỰ ÁN

1. Nội dung chủ yếu của dự án
(Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ dự án thẩm tra)
2. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.

IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

(Nhận xét và có đánh giá chi tiết những nội dung dưới đây theo yêu cầu thẩm tra của của chủ đầu tư)

Sau khi nhận được hồ sơ dự án (Tên dự án), qua xem xét (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh mục hồ sơ thực hiện thẩm tra (nhận xét về quy cách, tính hợp lệ, thiếu/đủ hồ sơ theo quy định).
2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Điều 54 Luật Xây dựng 2014.
3. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ điều kiện hay chưa đủ điều kiện để thực hiện thẩm tra.

V. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ ÁN

1. Nội dung thẩm tra thiết kế cơ sở: (một số hoặc toàn bộ nội dung dưới đây tùy theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư).

a) Sự phù hợp của phương án công nghệ, dây chuyền công nghệ được lựa chọn đối với công trình có yêu cầu về thiết kế công nghệ;

b) Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ: Kết luận về bảo đảm an toàn xây dựng của giải pháp thiết kế; kiểm tra sự phù hợp của giải pháp thiết kế với các giải pháp bảo vệ môi trường, an toàn phòng chống cháy nổ theo ý kiến của các cơ quan có thẩm quyền theo Luật Bảo vệ môi trường, Luật Phòng cháy và chữa cháy;

c) Sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế cơ sở: Đánh giá về danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với quy định hiện hành; đánh giá sự tuân thủ trong việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế cơ sở.

2. Thẩm tra các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi:

a) Đánh giá về sự cần thiết đầu tư xây dựng gồm sự phù hợp với chủ trương đầu tư, khả năng đáp ứng nhu cầu tăng thêm về quy mô, công suất, năng lực khai thác sử dụng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong từng thời kỳ;

b) Đánh giá yếu tố bảo đảm tính khả thi của dự án gồm sự phù hợp về quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng; khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng đất, giải phóng mặt bằng xây dựng; nhu cầu sử dụng tài nguyên (nếu có), việc bảo đảm các yếu tố đầu vào và đáp ứng các đầu ra của sản phẩm dự án; giải pháp tổ chức thực hiện; kinh nghiệm quản lý của chủ đầu tư; bảo đảm quốc phòng, an ninh và các yếu tố khác;

c) Đánh giá yếu tố bảo đảm tính hiệu quả của dự án gồm tổng mức đầu tư:

- Kiểm tra phương pháp lập tổng mức đầu tư; đánh giá nội dung cơ cấu tổng mức đầu tư đề nghị thẩm tra; kiểm tra sự phù hợp trong việc áp dụng, vận dụng định mức, đơn giá và chế độ chính sách liên quan trong công tác lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Kiểm tra sự phù hợp khối lượng công việc trong tổng mức đầu tư; kiểm tra tính đúng đắn, hợp lý của nội dung chi phí trong tổng mức đầu tư;

- Giá trị tổng mức đầu tư sau thẩm tra (nêu rõ giá trị của từng khoản mục chi phí, nguyên nhân tăng, giảm)

d) Đánh giá tiến độ thực hiện dự án; chi phí khai thác vận hành; khả năng huy động vốn theo tiến độ, phân tích rủi ro, hiệu quả tài chính và hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án.

3. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Dự án (Tên dự án) đủ điều kiện (chưa đủ điều kiện) để triển khai các bước tiếp theo.

- Một số kiến nghị khác (nếu có).

CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THẨM TRA DỰ ÁN

- (Ký, ghi rõ họ tên)

(Kết quả thẩm tra có thể được bổ sung thêm một số nội dung khác theo yêu cầu, phạm vi công việc thẩm tra của chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thẩm tra)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.

ĐƠN VỊ THẨM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 03

Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình
(Ban hành kèm theo Thông tư số 18 /2016/TT-BXD
ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

ĐƠN VỊ THẨM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v báo cáo kết quả thẩm tra thiết
kế, dự toán xây dựng công trình

....., ngày.....tháng.....năm

KẾT QUẢ THẨM TRA
THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
Công trình:

Kính gửi: (Tên chủ đầu tư)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định, Thông tư khác có liên quan;

Căn cứ Văn bản số... ngày... của (Đơn vị đề nghị thẩm tra) ... về việc ...;

Các căn cứ khác có liên quan.

Thực hiện theo Hợp đồng tư vấn thẩm tra (số hiệu hợp đồng) giữa (Tên chủ đầu tư) và (Tên đơn vị thẩm tra) về việc thẩm tra thiết kế kỹ thuật/ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình (Tên công trình). Sau khi xem xét, (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

- Tên công trình: ... Loại, cấp công trình: ...
- Thuộc dự án đầu tư: ...
- Chủ đầu tư: ...
- Giá trị dự toán xây dựng công trình: ...

- Nguồn vốn:...
- Địa điểm xây dựng:...
- Đơn vị khảo sát xây dựng: ...
- Đơn vị thiết kế, lập dự toán xây dựng: ...

II. DANH MỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

1. Văn bản pháp lý:
(Liệt kê các văn bản pháp lý của dự án)
2. Danh mục hồ sơ đề nghị thẩm tra:
3. Các tài liệu sử dụng trong thẩm tra (nếu có)

III. NỘI DUNG CHỦ YẾU THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.
2. Giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình.
(Mô tả giải pháp thiết kế chủ yếu của các hạng mục công trình)
3. Cơ sở xác định dự toán xây dựng công trình

IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

(Nhận xét và có đánh giá chi tiết những nội dung dưới đây theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư)

Sau khi nhận được hồ sơ của (Tên chủ đầu tư), qua xem xét (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh mục hồ sơ thực hiện thẩm tra (nhận xét về quy cách, tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định).
2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung thiết kế xây dựng theo quy định tại Điều 80 Luật Xây dựng 2014.
3. Nhận xét, đánh giá về dự toán xây dựng, cụ thể:
 - a) Phương pháp lập dự toán được lựa chọn so với quy định hiện hành;
 - b) Các cơ sở để xác định các khoản mục chi phí;
 - c) Về đơn giá áp dụng cho công trình;
 - d) Chi phí xây dựng hợp lý (Giải pháp thiết kế và sử dụng vật liệu, trang thiết bị phù hợp với công năng sử dụng của công trình bảo đảm tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng công trình).
4. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ điều kiện hay chưa đủ điều kiện để thực hiện thẩm tra.

V. KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ

(Một số hoặc toàn bộ nội dung dưới đây tùy theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng)

1. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước:

a) Thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công) so với thiết kế cơ sở;

b) Thiết kế bản vẽ thi công so với nhiệm vụ thiết kế trong trường hợp thiết kế một bước.

2. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật; quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình:

- Về sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật:

- Về sử dụng vật liệu cho công trình theo quy định của pháp luật:

3. Đánh giá sự phù hợp các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận:

- Đánh giá sự phù hợp của từng giải pháp thiết kế với công năng sử dụng công trình.

- Đánh giá, kết luận khả năng chịu lực của kết cấu công trình, giải pháp thiết kế đảm bảo an toàn cho công trình lân cận.

5. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có).

6. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.

7. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VI. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ TOÁN

1. Nguyên tắc thẩm tra:

a) Về sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế;

b) Về tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các khoản mục chi phí khác trong dự toán công trình;

c) Về giá trị dự toán công trình.

2. Giá trị dự toán xây dựng sau thẩm tra

Dựa vào các căn cứ và nguyên tắc nêu trên thì giá trị dự toán sau thẩm tra như sau:

STT	Nội dung chi phí	Giá trị đề nghị thẩm tra	Giá trị sau thẩm tra	Tăng, giảm (+;-)
1	Chi phí xây dựng			
2	Chi phí thiết bị (nếu có)			

3	Chi phí quản lý dự án			
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng			
5	Chi phí khác			
6	Chi phí dự phòng			
	Tổng cộng			

(có phụ lục chi tiết kèm theo)

Nguyên nhân tăng, giảm: (nêu rõ lý do tăng, giảm).

3. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng đủ điều kiện để triển khai các bước tiếp theo.

Một số kiến nghị khác (nếu có).

CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THẨM TRA CỦA TỪNG BỘ MÔN

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

-

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

(Kết quả thẩm tra được bổ sung thêm một số nội dung khác nhằm đáp ứng yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thẩm tra)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.

ĐƠN VỊ THẨM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 04

Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 18 /2016/TT-BXD
ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)*

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày.....tháng.....năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình

(Tên cá nhân/Cơ quan phê duyệt)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số....

Xét đề nghị của... tại tờ trình số... ngày...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình... với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án:
2. Chủ đầu tư:
3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:
4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:
5. Tổ chức tư vấn lập dự án:
6. Chủ nhiệm lập dự án:
7. Địa điểm xây dựng:

8. Diện tích sử dụng đất:

9. Loại, cấp công trình (ghi loại và cấp của công trình chính thuộc dự án):

10. Số bước thiết kế:

11. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):

12. Thiết bị công nghệ (nếu có):

13. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

14. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng mức:

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:
- Chi phí, thiết bị:
- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:
- Chi phí quản lý dự án:
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:
- Chi phí khác:
- Chi phí dự phòng:

15. Nguồn vốn đầu tư (nêu rõ dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án):

16. Hình thức quản lý dự án:

17. Thời gian thực hiện dự án:

18. Thời hạn sử dụng công trình:

19. Các nội dung khác:

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu.

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 05

Quyết định phê duyệt thiết kế và dự toán xây dựng công trình

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD
ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)*

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
....., ngày.....tháng.....năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Thiết kế và Dự toán xây dựng công trình

(Cơ quan phê duyệt)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số....

Xét đề nghị của tại Tờ trình số... ngày... và Thông báo kết quả thẩm định số ... ngày ... của;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thiết kế và Dự toán xây dựng công trình (nếu có) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình:
2. Thuộc dự án:
3. Loại, cấp công trình:
4. Địa điểm xây dựng:
5. Nhà thầu lập báo cáo khảo sát xây dựng:
6. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng:
7. Chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, thiết kế và dự toán xây dựng:
8. Đơn vị thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng (nếu có):
9. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:
10. Giá trị dự toán xây dựng công trình (nếu có):

(Bằng chữ: ...)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:
- Chi phí thiết bị:
- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):
- Chi phí quản lý dự án:
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:
- Chi phí khác:
- Chi phí dự phòng:

11. Thời hạn sử dụng công trình:

12. Các nội dung khác:

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu.

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 06

Mẫu dấu thẩm định, thẩm tra thiết kế xây dựng

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18 /2016/TT-BXD

ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

MẪU DẤU THẨM ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THỰC HIỆN THẨM ĐỊNH

(Kích thước mẫu dấu: chiều rộng từ 4 cm đến 6cm; chiều dài từ 6 cm đến 9 cm)

(TÊN CƠ QUAN THỰC HIỆN THẨM ĐỊNH)
<p style="text-align: center;">THẨM ĐỊNH</p> <p>Theo Văn bản số/..... ngày.....tháng.....năm 20..... Ký tên:</p>

MẪU DẤU XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC THỰC HIỆN THẨM TRA

(TÊN TỔ CHỨC THỰC HIỆN THẨM TRA)
<p style="text-align: center;">THẨM TRA</p> <p>Theo Văn bản số/..... ngày.....tháng.....năm 20..... Ký tên:</p>

Phụ lục II

MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ VỀ NỘI DUNG THẨM ĐỊNH DỰ ÁN VÀ THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH THUỘC BỘ QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CHUYÊN NGÀNH VÀ SỞ XÂY DỰNG THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Mẫu số 01	Báo cáo tổng hợp định kỳ về công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng của cơ quan thẩm định thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.
Mẫu số 02	Báo cáo tổng hợp định kỳ về công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng của Sở Xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Mẫu số 01

MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TỔNG HỢP VỀ CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH DỰ ÁN VÀ THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH THUỘC BỘ QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CHUYÊN NGÀNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

V/v

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Bộ Xây dựng.

(Tên Cơ quan thẩm định thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành) gửi báo cáo tổng hợp số liệu về công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình đã thực hiện thẩm định đến Bộ Xây dựng tổng hợp.

Loại nguồn vốn	Dự án				Thiết kế cơ sở		Thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng (nếu có) (gồm Báo cáo kinh tế - kỹ thuật)					
	Tổng số dự án thẩm định	Số dự án phải sửa đổi (1)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)		Tổng số TKCS thẩm định	Số TKCS phải sửa đổi (2)	Tổng số đã thẩm định	Số phải sửa đổi (3)	Giá trị dự toán xây dựng công trình (triệu đồng)		Tỷ lệ %	
			Trình thẩm định	Sau thẩm định					Tăng/giảm (+/-)	Tỷ lệ %		Trước thẩm định
Vốn ngân sách nhà nước												
Vốn nhà nước ngoài ngân sách												
Vốn khác												

Trong đó:

- Tổng mức đầu tư của dự án sau thẩm định có tỷ lệ % tăng/giảm nhiều nhất: +.....%; -.....%.
- Dự toán sau thẩm định của công trình có tỷ lệ % tăng/giảm nhiều nhất: +.....%; -.....%.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tổng số dự án trong quá trình thẩm định phải sửa đổi để đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng.
 - (2): Tổng số thiết kế cơ sở của dự án trong quá trình thẩm định phải sửa đổi để bảo đảm tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 58 Luật Xây dựng.
 - (3): Tổng số thiết kế xây dựng công trình phải sửa đổi để đảm bảo an toàn chịu lực.
- Tỷ lệ % tăng/giảm nhiều nhất được tính cho một dự án, một công trình.

Mẫu số 02
MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TỔNG HỢP VỀ CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH DỰ ÁN VÀ THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG
CỦA SỞ XÂY DỰNG THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

UBND TỈNH/ THÀNH PHỐ...
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
 V/v

....., ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi: Bộ Xây dựng.

(Tên Sở xây dựng địa phương) gửi báo cáo định kỳ tổng hợp số liệu về công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình đã thực hiện thẩm định trên địa bàn tỉnh/thành phố ... đến Bộ xây dựng tổng hợp.

Loại nguồn vốn:

Số quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (2)	Dự án				Thiết kế cơ sở		Thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng (nếu có) (gồm Báo cáo kinh tế - kỹ thuật)			
	Tổng số dự án thẩm định	Số dự án phải sửa đổi (3)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)		Tổng số TKCS thẩm định	Số TKCS phải sửa đổi (4)	Tổng số đã thẩm định	Giá trị dự toán xây dựng công trình (triệu đồng)		Tỷ lệ %
			Trình thẩm định	Sau thẩm định				Tăng/giảm (+/-)	Tăng/giảm (+/-)	
Sở Xây dựng										
Sở Giao thông vận tải										

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn																
Sở Công thương																

Trong đó:

- Tổng mức đầu tư của dự án sau thẩm định có tỷ lệ % tăng/giảm nhiều nhất: +.....%; -.....%.
- Dự toán sau thẩm định của công trình có tỷ lệ % tăng/giảm nhiều nhất: +.....%; -.....%.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Bảng mẫu tổng hợp trên được áp dụng cho tổng hợp số liệu theo từng loại nguồn vốn riêng biệt: Vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn khác
- (2): Phòng chuyên môn thuộc Quận, Huyện có trách nhiệm phân loại công trình theo chuyên ngành báo cáo Sở Xây dựng để tổng hợp; các Sở chuyên ngành có trách nhiệm gửi số liệu báo cáo định kỳ về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo.
- (3): Số dự án trong quá trình thẩm định phải sửa đổi để đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng.
- (4): Số thiết kế cơ sở của dự án trong quá trình thẩm định phải sửa đổi để bảo đảm tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 58 Luật Xây dựng.
- (5): Tổng số thiết kế xây dựng công trình phải sửa đổi để đảm bảo an toàn chịu lực.
- Tỷ lệ % tăng/giảm nhiều nhất được tính cho một dự án, một công trình.